

型式	寸法図 (mm)	A	B	C	D	型式	寸法図 (mm)	A	B	C	D	
FZ-1605		1/4 NPT	φ19	19 六角	29	FZ-1630		3/8 NPT	1/4 NPT	17.5 六角	17.5	
FZ-1614	ソケット (カップリング)	3/8 NPT	φ25	25.4 六角	29	FZ-16301		3/8 NPT	1/8 Rc	17.5 六角	19	
FZ-1615		3/8 NPT	1/4 NPT	25.4 六角	29	FZ-16304		1/2 R	3/8 Rc	24 六角	26	
FZ-1625		異径ソケット	1/2 NPT	3/8 NPT	32 六角	35		FZ-16305	1/2 R	3/8 NPT	24 六角	28
FZ-1638		1/4 NPT	φ19	22.5	34	FZ-16306	1/2 NPT	1/4 NPT	24 六角	28		
FZ-1610		90°エルボ	3/8 NPT	φ25	21	33	FZ-1643	1/16 NPT	1/4 NPT	19 六角	28.5	
FZ-1637		1/4 NPT	φ19	22	45	FZ-1642	1/8 NPT	1/4 NPT	19 六角	31		
FZ-1612		チーズ	3/8 NPT	φ25	22	44	FZ-16421	1/8 NPT	1/4 Rc	19 六角	29	
FZ-1613		3/8 NPT	φ25	22	44	FZ-10551		1/8 NPT	3/8 Rc	22 六角	30.9	
FZ-1616		ストリート エルボ	3/8 NPT	φ25	24	33		FZ-1055	1/4 NPT	3/8 NPT	24 六角	45
FZ-1618			1/4 NPT	φ25	23	28		FZ-1633	1/4 NPT	1/2 NPT	28.5 六角	43
FZ-1608		角ニップル	1/4 NPT	φ7	14.3 六角	35		FZ-1634	3/8 NPT	1/2 NPT	28.5 六角	45
FZ-1617	3/8 NPT		φ10.2	19 六角	37	BFZ-16411	1/4 NPT	1/4 Rc	19 六角	38		
FZ-1620N		3/8 NPT	φ9	19 六角	90	BFZ-11461	1/4 R	1/4 NPT	19 六角	38		
FLT-3N		インライン フィルタ	3/8 NPT	24 六角	22 六角	58	BFZ-16324	3/8 NPT	3/8 Rc	24 六角	43	
P-PSTD 10NPT3/8		3/8 NPT	φ10	19 六角	43	BFZ-42361	3/8 R	3/8 NPT	22 六角	34		
P-PSTD 15NPT3/8		テーパーねじ付 スタッド	3/8 NPT	φ15	19 六角	46	FZ-2N	3/8 NPT	1/2 G	26 六角	47	
							FZ-3N	1/2 NPT	1/2 G	26 六角	52	
							FZ-2007	1/4 SAE (7/16-20 UNF)	1/4 NPT	19 六角	29	

※ 製品改良のため、形状・寸法など予告なく変更することがありますのでご了承ください。